

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----o0o-----



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4100259236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2004 và thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 08 năm 2017.)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 10.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 2 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

Địa chỉ : Số 278, Đường Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại : 0256.3847 668

Fax : 0256.3847 556

Website : <http://www.phutai.com.vn>

Email : phutai@phutai.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.3726 2600 Fax: 024.3726 2601

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Phan Quốc Hoài

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Điện thoại : 0256.3847668

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4100259236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2004 và thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 08 năm 2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phú Tài
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán: 35.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán: 5.184.038 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán: 51.840.380.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.3726 2600 Fax: 024.3726 2601

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (024)8241990 – (04) 8268681 Fax: (024) 8253973

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về Pháp luật.....	8
3. Rủi ro đặc thù của ngành	9
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	10
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	11
6. Rủi ro quản trị công ty.....	12
7. Các rủi ro khác	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức phát hành.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức công ty	15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	19
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước: số lượng và tỉ lệ nắm giữ).....	24
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	27
5.1. Danh sách công ty mẹ: Không có	27
5.2. Danh sách công ty con:.....	27
5.3. Danh sách công ty liên kết: Không có.....	29
6. Quá trình tăng vốn điều lệ:	30
7. Hoạt động sản xuất kinh doanh	30
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	41
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	43
10. Chính sách đối với người lao động.....	46
11. Chính sách cổ tức.....	48
12. Các chỉ tiêu tài chính.....	48
13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	55

14. Tài sản	69
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015-2016.....	70
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	74
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	74
18. Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành	74
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành:	74
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	74
1. Loại cổ phiếu.....	74
2. Mệnh giá	75
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	75
4. Giá chào bán dự kiến.....	75
5. Phương pháp tính giá	75
6. Phương thức phân phối.....	76
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	76
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	76
9. Phương thức thực hiện quyền	77
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	78
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	78
12. Các loại thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán	78
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	78
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	79
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	79
1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán.....	79
2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	79
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC PHÁT HÀNH.....	81
1. Tổ chức kiểm toán	81
2. Tổ chức tư vấn.....	81
IX. PHỤ LỤC	82

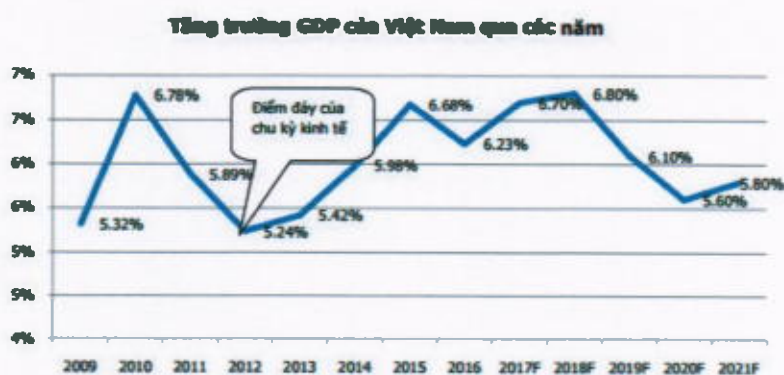
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty hoặc giá cả chứng khoán phát hành của công ty

1. Rủi ro về kinh tế

📌 Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. So với tốc độ tăng GDP 6,68% của năm 2015, GDP năm 2016 tăng 6,21% cho thấy nền kinh tế đang có dấu hiệu chững lại sau một năm tăng tốc trong năm 2015. GDP quý 1/2016 và quý 2/2016 chỉ đạt 5,48% và 5,78% sau đó phục hồi vào quý 3/2016 tăng 6,56% và quý 4/2016 tăng 6,68%. Tăng trưởng GDP không tiếp tục được xu hướng cải thiện dần theo từng quý từ năm 2014. Mức tăng trưởng GDP suy giảm chủ yếu đến từ khu vực nông nghiệp (chỉ tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011) do ảnh hưởng của Elnino và khu vực công nghiệp (chỉ tăng 7,57% thấp hơn mức 9,8% của năm 2015) do ảnh hưởng của giá hàng hóa cơ bản giảm. Có thể nhận định xu hướng đi lên của nền kinh tế đang có dấu hiệu chững nhẹ lại mặc dù vẫn khả quan. Điều này thể hiện rõ hơn khi tốc độ tăng trưởng quý 1/2017 chỉ đạt 5,1%, thấp nhất trong 2 năm trở lại đây. Nguyên nhân chủ yếu là do khô hạn, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến nông nghiệp; Chính phủ chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giảm công nghiệp khai khoáng. Tốc độ tăng trưởng GDP quý 2/2017 hồi phục rõ nét với mức tăng trưởng 6,17%, nhờ sự cải thiện mạnh mẽ trong lĩnh vực dịch vụ và nông nghiệp.



Về cơ cấu nền kinh tế, năm 2016 đánh dấu sự khó khăn của khu vực nông nghiệp và khu vực công nghiệp khi tỷ trọng cả hai khu vực này đều co hẹp. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,32%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 32,72%; khu vực dịch vụ chiếm 40,92%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04%.

Tỷ trọng GDP năm 2016



Khu vực công nghiệp tăng 7,57% trong năm 2016 thấp hơn mức 9,64% cùng kỳ năm trước, cho thấy nền sản xuất đã có dấu hiệu chững lại. Chỉ số sản xuất công nghiệp trong năm 2016 tăng 7,5%, thấp hơn mức tăng 9,8% cùng kỳ năm ngoái.

Sự phát triển của các doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế. Sự thay đổi của nền kinh tế phần lớn sẽ gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và định hướng phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp.

👉 **Lạm phát:**

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

Chỉ số giá tiêu dùng năm 2016 tăng 4,74% so với đầu năm. Sau khi ghi nhận mức tăng CPI thấp kỷ lục trong năm 2015, chỉ số CPI đã bắt đầu gia tăng trở lại trong năm 2016. Nguyên nhân lạm phát chạm đáy và đi lên là do nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi trong khi giá dầu thô thế giới chạm đáy và đi lên khiến giá xăng trong nước liên tục được điều chỉnh theo. Bên cạnh đó, chi phí y tế, giáo dục trong nước được điều chỉnh tăng mạnh, lương cơ sở tăng 5% từ 1/5/2016, việc điều chỉnh tăng lương cũng góp phần tạo áp lực lên chỉ số CPI. Động lực chính cho sự gia tăng chỉ số CPI năm 2016 là giá cả nhóm hàng giao thông và dịch vụ y tế, giáo dục. Theo xu hướng chung, sẽ có nhiều yếu tố tác động tới CPI năm 2017 như giá dịch vụ y tế sẽ tiếp tục điều chỉnh trên 27 tỉnh thành phố, giá dịch vụ giáo dục tăng theo lộ trình, lương cơ bản tiếp tục điều chỉnh tăng từ cuối 2016 và giá xăng dầu gia tăng. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý 1/2017 tăng 4,96% so với bình quân cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với cùng kỳ 2 năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu do các địa phương tiếp tục

điều chỉnh giá dịch vụ y tế và giáo dục theo lộ trình; quý đầu năm trùng với Tết Nguyên đán nên nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng lên, đóng góp 0,36% vào mức tăng CPI chung; giá nhiên liệu trên thị trường thế giới tăng mạnh, khiến giá xăng dầu bình quân quý 1/2017 tăng 34,92% so với cùng kỳ năm ngoái, đóng góp 1,45% vào mức tăng CPI chung. Như vậy, chỉ số lạm phát toàn phần tăng mạnh chủ yếu do ảnh hưởng của nhóm hàng lương thực thực phẩm, nhóm giao thông và các mặt hàng do Nhà nước quản lý giá. Nếu loại trừ các nhóm hàng này ra thì chỉ số lạm phát cơ bản bình quân 3 tháng đầu năm 2017 có mức tăng không quá lớn (chỉ 1,66%). Lạm phát lao dốc trong Quý 2/2017 CPI tháng Sáu chỉ đạt 2,54% so với cùng kỳ năm trước và 0,2% so với năm 2016. Giá thực phẩm giảm mạnh do khủng hoảng dư cung thịt lợn cùng với giá xăng dầu được điều chỉnh giảm đã bù đắp hầu hết tác động của các đợt điều chỉnh giá dịch vụ công. Trong khi đó, tổng phương tiện thanh toán tăng trưởng thấp khiến lạm phát cơ bản cũng liên tục suy giảm trong nửa đầu năm nay.

Lạm phát của Việt Nam qua các năm



Tỷ giá hối đoái:

Nhìn lại năm 2016, lãi suất huy động tăng nhẹ, trong khi lãi suất cho vay khá ổn định và ít biến động. Trong năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào quý 1/2016 và cuối quý 4/2016. Thống kê cho thấy, đến cuối năm 2016, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,3% - 5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3% - 7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5% - 8%/năm. Về lãi suất, chủ trương của NHNN trong giai đoạn vừa qua là thực hiện đồng bộ các giải pháp để ổn định mặt bằng lãi suất huy động, phần đầu giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Do đó, các giải pháp NHNN thực hiện thời gian qua là cố gắng giữ nguyên mức lãi suất điều hành, hỗ trợ, giảm

bớt áp lực như ban hành sửa đổi Thông tư quy định về giới hạn an toàn, trong đó có các chỉ tiêu an toàn được quy định với thời hạn, lộ trình cụ thể để giảm bớt áp lực trên thị trường. Đồng thời, NHNN cũng có các văn bản chỉ đạo các TCTD rà soát, đảm bảo thanh khoản ở các kỳ hạn và tăng trưởng tín dụng một cách hợp lý. Qua đó, giảm bớt áp lực về chênh lệch kỳ hạn, áp lực đối với mặt bằng lãi suất. Qua rà soát đánh giá, trong 8 tháng đầu năm, lãi suất huy động cơ bản ổn định, có xu hướng tăng nhẹ 0,2-0,3% trong giữa tháng 2 đến tháng 3. Từ tháng 5 trở lại đây, có TCTD điều chỉnh tăng, có TCTD điều chỉnh giảm, nhưng xu hướng chung là ổn định. Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp, mặt bằng lãi suất cho vay của các TCTD về cơ bản diễn biến ổn định, từ cuối tháng 4/2016, các NHTM Nhà nước và một số NHTM cổ phần đã giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn và đưa lãi suất cho vay trung và dài hạn về tối đa 10%/năm đối với các khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời tích cực triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi... . Với rủi ro lạm phát tăng nhanh trở lại, FED có khả năng tăng lãi suất, nhu cầu tín dụng có xu hướng tăng tốc mạnh,.. đã tạo áp lực tăng lãi suất. Tuy nhiên, Thống đốc Ngân hàng nhà nước đã ra chỉ thị 04/CT-NHNN ngày 27/05/2016 yêu cầu tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài hạ dần lãi suất cho vay.

Hiện tại ngoài nguồn vốn tự có, Công ty còn thực hiện vay vốn ngân hàng. Do vậy sự biến động về lãi suất sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính của công ty trong hoạt động kinh doanh.

2. Rủi ro về Pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán của Nhà nước. Là doanh nghiệp phát hành trên sàn giao dịch HOSE, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi luật pháp quốc tế như chính sách thuế quan, chính sách hạn ngạch. Trong hoạt động xuất khẩu, rủi ro pháp lý mà các doanh nghiệp khó lường trước được hay việc ban hành các văn bản cấm nhập hay cấm xuất một mặt hàng nào đó, nước này tẩy chay hàng hoá của nước kia. Hoặc doanh nghiệp đã gửi hàng đi và lập bộ

chứng từ hợp lệ nhưng vẫn gặp rủi ro trong thanh toán khi chiến tranh hay xung đột xảy ra ở nước nhập khẩu. Hơn nữa, doanh nghiệp xuất khẩu có thể gặp rủi ro do phong tỏa, cấm vận hoặc trả đũa thương mại đối với mặt hàng của doanh nghiệp xuất khẩu.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

Kinh doanh, chế biến gỗ: Hoạt động kinh doanh, chế biến gỗ là một trong những lĩnh vực hoạt động chính, đóng góp khoảng 29% doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, hiện nay nhiều tổ chức phi chính phủ, các nước phát triển kêu gọi, hưởng ứng tiêu thụ sản phẩm thân thiện môi trường làm cho nguồn nguyên liệu gỗ vốn đã khan hiếm ngày càng khan hiếm hơn. Do đó, việc chủ động được nguồn nguyên liệu gỗ luôn là mối quan tâm lớn của Công ty.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm đòi hỏi ngày càng cao, như Đạo luật Lacey nhằm kiểm soát nguồn gốc hợp pháp các loại gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Mỹ, nhu cầu thị trường tiêu thụ yêu cầu ngày càng chặt chẽ hơn việc kiểm soát lượng chì trong sơn, formaldehyde trong keo dán gỗ... Ngoài ra, không thể không kể đến những rào cản dưới dạng biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch thực vật, quy chế Gỗ của EU (EUTR) ... ngày càng phổ biến. Những thách thức đó đẩy các doanh nghiệp hoạt động trong ngành phải nỗ lực hơn về đầu tư quản lý chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý thông tin đến khách hàng và nhà cung cấp nhanh nhạy và kịp thời.

Khai thác, kinh doanh đá xây dựng, ốp lát: Đây là lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống và đóng góp khoảng 29 % vào cơ cấu doanh thu của Công ty. Bình Định là một trong rất ít khu vực có trữ lượng mỏ đá lớn và chất lượng, đặc biệt là đá Granite. Đây là yếu tố thuận lợi đảm bảo ổn định nguồn cung nguyên liệu đầu vào tại chỗ, nhưng theo thời gian thì sản lượng sẽ giảm dần và có nguy cơ cạn kiệt là điều có thể đoán trước.

Vì vậy, về lâu dài để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cũng như duy trì doanh thu hoạt động kinh doanh từ lĩnh vực khai thác, kinh doanh đá xây dựng, ốp lát. Công ty đã tiến hành khai thác thêm các mỏ đá mới tại các tỉnh Đắk Nông, Khánh Hoà nhằm đáp ứng đủ nhu cầu về nguyên liệu sản xuất vật liệu đá ốp lát xây dựng tại Công ty.

Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota: Kinh doanh, phân phối xe Toyota là hoạt động đóng góp đáng kể, chiếm 42% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Toyota là hãng ô tô giữ vững doanh số tiêu thụ xe hơi cao nhất tại Việt Nam trong những năm qua. Bên cạnh

đó, Việt Nam được dự báo là thị trường tiêu thụ xe ô tô tiềm năng, thuế suất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt cắt giảm theo lộ trình cam kết hội nhập.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

➡ Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành của đơn vị tư vấn nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết. Trong trường hợp số cổ phần chào bán không hết (nếu có), HĐQT sẽ tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác theo mức giá phù hợp, bảo đảm lợi ích cho cổ đông và Công ty.

Nếu đợt chào bán không thành công như dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để bù đắp vào nhu cầu vốn của các dự án đang triển khai. Bên cạnh đó, Công ty sẽ điều chỉnh tiến độ, cũng như quy mô của các dự án một cách linh hoạt theo nguồn vốn thực tế huy động được để đảm bảo đạt hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Trong trường hợp này, mục tiêu huy động vốn của Công ty sẽ gặp khó khăn và do đó sẽ phần nào tác động đến kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

➡ Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 181.441.330.000 đồng sẽ được sử dụng để đầu tư, cụ thể như sau:

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD thường xuyên: 101.293.760.000 đồng
- Đầu tư mua máy móc thiết bị cho các dự án phát triển Công ty: 80.147.570.000 đồng.

Trong đó:

- + Mua máy móc thiết bị cho DA nhà máy chế biến gỗ Phù Cát: 53.056.694.000 đồng.
- + Mua máy móc thiết bị cho DA nhà máy chế biến đá Diên Tân – Khánh Hòa: 27.090.876.000 đồng.

Thay vì việc đầu tư dàn trải nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty chỉ tập trung nguồn vốn huy động được vào việc đầu tư máy móc thiết bị cho hoạt động sản xuất chính. Nhìn chung kế hoạch sử dụng vốn của Công ty từ đợt chào bán này là tiếp tục đầu tư vào hoạt động sản xuất. Ngoài ra, đến thời điểm lập bộ hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng, Công ty đã có những đơn hàng lớn với các đối tác, một số dự án mới cũng đang dần được triển khai. Với năng lực và uy tín của mình, Công ty tin tưởng sẽ sử dụng tốt và có hiệu quả số tiền thu được từ đợt chào bán. Do vậy, rủi ro này là không quá lớn.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Rủi ro pha loãng EPS

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng lên 20% so với hiện tại. Điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ giảm sút. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty chưa thể tăng tương ứng. Tỷ suất lợi nhuận sau khi phát hành cổ phiếu nhiều khả năng sụt giảm so với trước khi phát hành. Nhà đầu tư cần lưu ý đến rủi ro này.

Giá sử trong quý 4/2017 đợt chào bán sẽ kết thúc, PTB thu được toàn bộ số tiền từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Bảng 1: Rủi ro pha loãng cổ phiếu

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2017 (Dự tính)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	339.200.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành trước thời điểm phát hành	Đồng	25.920.194
3	Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu	Cổ phiếu	5.184.038
4	Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành (4)=(2) + (3)	Cổ phiếu	31.104.232
5	Thu nhập/cổ phiếu trước khi phát hành (5) = (1)/(2)	Đồng/cổ phiếu	13.086
6	Thu nhập/cổ phiếu điều chỉnh (6) = (1)/(4)	Đồng/cổ phiếu	10.905

Trong thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Rủi ro pha loãng này sẽ được giảm đi khi Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành để đầu tư và triển khai dự án một cách hiệu quả nhất. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cân trọng vấn đề này.

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Cổ phiếu Công ty Cổ phần – Tổng Công ty Phú Tài đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PTB. Vì vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phần phát hành thêm và nhận cổ tức bằng cổ phiếu, giá tham chiếu của PTB sẽ được điều chỉnh kỹ thuật, công thức tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

PTC : giá tham chiếu của PTB trong ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu

I : tỷ lệ vốn tăng (%)

PR_{t-1} : giá cổ phiếu của PTB trước ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu

PR : là giá cổ phiếu phát hành mới

Công ty thực hiện phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua tổng số lượng 5.184.038 cổ phần. Phần vốn điều lệ tăng thêm tương ứng với tỷ lệ 20% vốn điều lệ trước khi thực hiện đợt phát hành. Vì vậy, với phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Cụ thể, giả định giá tham chiếu của cổ phiếu PTB vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 110.000 VNĐ/cổ phiếu. Giá điều chỉnh kỹ thuật vào ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$PTC = \frac{110.000 + (20\% \times 35.000)}{1 + 20\%} = 97.500$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành được điều chỉnh và làm tròn là 97.500 đồng/cổ phiếu, giảm 12.500 đồng/cổ phiếu so với giá cổ phiếu thị trường PTB trước ngày phát hành.

Trường hợp giá phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi điều chỉnh các quyền khác (nếu có), Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh không thực hiện điều chỉnh giá tham chiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Nếu HĐQT Công ty làm việc không hiệu quả, không minh bạch, thiếu cơ chế phản biện sẽ không kịp thời phát hiện được rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành. Ngoài ra, thông tin liên quan đến quản trị công ty như: cơ cấu cổ đông và mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, các yếu tố môi

trường, xã hội... ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng có thể ảnh hưởng tới các cổ đông và nhà đầu tư khác.

Để khắc phục rủi ro quản trị công ty, công ty cổ phần Phú Tài đã xây dựng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Giám đốc có năng lực điều hành, giám sát tốt, được Đại hội Đồng cổ đông thông qua tại đại hội cổ đông thường niên. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng và hoàn thiện website, công bố, cập nhật thông tin thường xuyên hơn cho cổ đông, thành lập Ban quan hệ cổ đông (IR) để thực hiện nhiệm vụ làm cầu nối giữa cổ đông và doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn có đơn vị tư vấn quản trị độc lập, bao gồm: tư vấn quan hệ nhà đầu tư; tư vấn tổ chức ĐHCĐ; tư vấn quản lý cổ đông, xây dựng cơ cấu cổ đông mục tiêu.

7. Các rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Lê Vỹ	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Thảo	Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thức Hùng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Lê Thành Nam
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Phú Tài. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phú Tài cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1/ “**Công ty**”: Công ty Cổ phần Phú Tài.

2/ “**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Phú Tài.

8/ “**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phú Tài.

9/ “**Ban kiểm soát**”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Phú Tài.

10/ “**Ban Tổng Giám đốc**”: Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Phú Tài.

11/ “**Vốn điều lệ**”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “**Tổ chức phát hành**”: Công ty Cổ phần Phú Tài.

13/ “**Tổ chức tư vấn**”: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

14/ “**Tổ chức kiểm toán**”: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC

15/ “**VPA**”: Hiệp định đối tác tự nguyện

16/ “**FLEGT**”: Tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và buôn bán gỗ

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

DHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phú Tài.

HĐQT Hội đồng quản Công ty Cổ phần Phú Tài.

BKS Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phú Tài.

TGD	Tổng giám đốc.
BTGD	Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phú Tài.
CBCNV	Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phú Tài.
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VSCH	Vốn chủ sở hữu
NPL	Nguyên phụ liệu
Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Số CMND	Số chứng minh nhân dân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI**
- Tên giao dịch quốc tế : **PHU TAI JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **PTB**
- Địa chỉ : **Số 278, Đường Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.**
- Điện thoại : **0256.3847668**
- Fax : **0256.3847556**



- Logo :
- Website : <http://www.phutai.com.vn>
- Email : phutai@phutai.com.vn

- Vốn điều lệ đăng ký : 259.201.940.000 VNĐ (hai trăm năm mươi chín tỷ hai trăm lẻ một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn điều lệ thực góp : 259.201.940.000 VNĐ (hai trăm năm mươi chín tỷ hai trăm lẻ một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 4100259236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2004 và thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 08 năm 2017.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - ❖ Sản xuất đá Granite, gỗ, lâm sản, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ.
 - ❖ Xuất nhập khẩu các sản phẩm của công ty, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và hàng hoá tiêu dùng.
 - ❖ Đầu tư kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, nhà ở. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
 - ❖ Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
 - ❖ Trang trí nội, ngoại thất.
 - ❖ Trồng rừng và trồng cây công nghiệp các loại.;
 - ❖ Khai thác, chế biến đá Granite, khai thác đá, cát, sỏi làm vật liệu xây dựng (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản).
 - ❖ Mua bán, bảo hành, sửa chữa xe ô tô và phụ tùng
 - ❖ Kinh doanh và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Phú Tài là Công ty Phú Tài trực thuộc Quận khu 5 thuộc Bộ Quốc Phòng chuyên kinh doanh và sản xuất chế biến các sản phẩm gỗ, đá và phân phối xe Toyota.

Năm 2000, Công ty Thăng Lợi được sáp nhập vào Công ty Phú Tài, đánh dấu bước khởi điểm thuận lợi và sự kết hợp cần thiết cho quá trình phát triển bền vững.

Năm 2004, Công ty Cổ phần Phú Tài là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP, ngày 19/06/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 150/2004/QĐ-BQP ngày 10/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và

chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259236 cấp lần đầu vào ngày 30/12/2004, thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 08 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty được chấp thuận niêm yết theo quyết định số 67/2011/QĐ-SGDHCM ngày 20/05/2011 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Một số hình ảnh về công ty



2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Phú Tài được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phú Tài và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: Trụ sở chính, 11 chi nhánh trực thuộc, 08 công ty con.

Hiện Trụ sở chính của công ty đặt tại:

- Địa chỉ : số 278, đường Nguyễn Thị Định, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Điện thoại: 0256.3847668 Fax : 0256.3847556

Các chi nhánh, xí nghiệp và nhà máy:

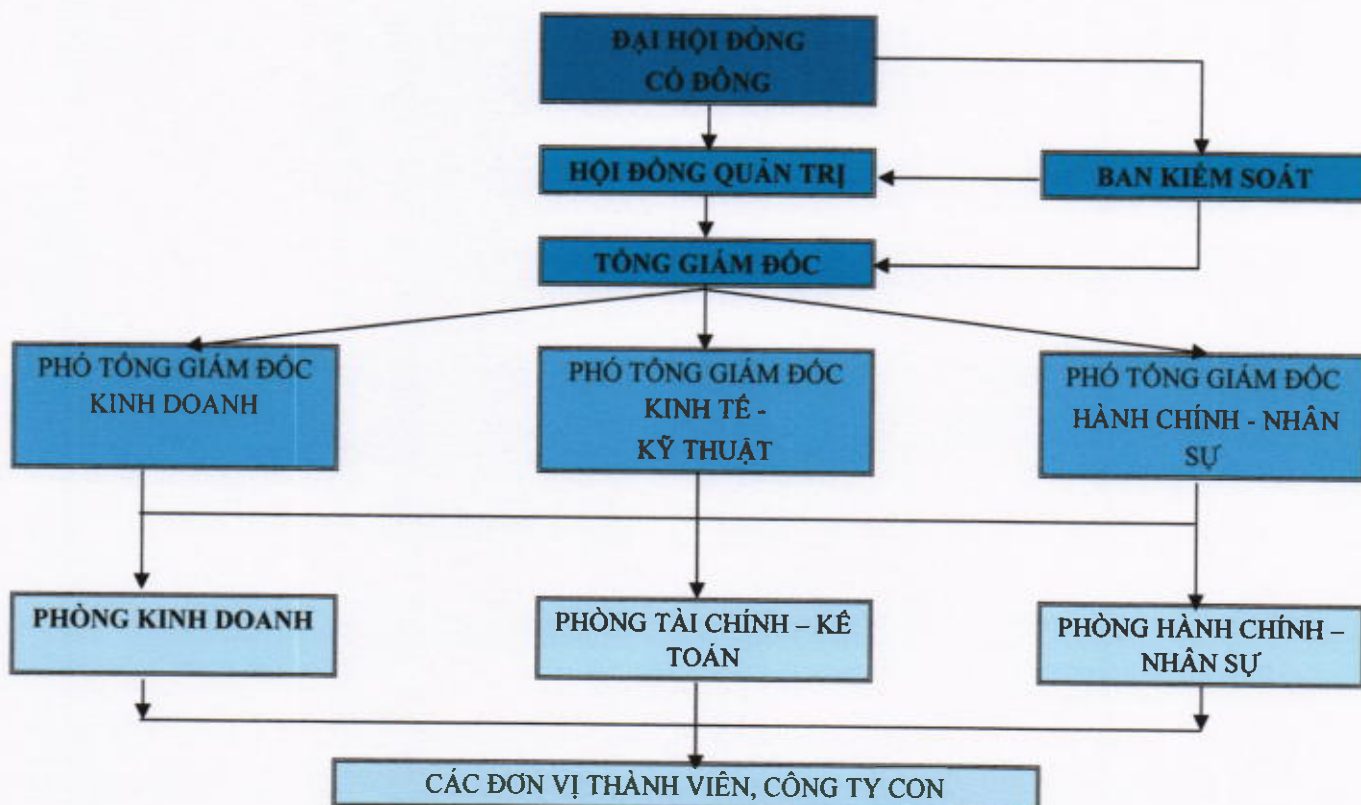
- **Xí nghiệp 380**
 - Địa chỉ: KV5, phường Trần Quang Diệu, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
 - Ngành nghề: Khai thác, chế biến sản phẩm đá ốp lát Granite nội địa và xuất khẩu.
- **Xí nghiệp Thắng Lợi**
 - Địa chỉ: Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
 - Ngành nghề: Chế biến sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
- **Chi nhánh công ty cổ phần Phú Tài tại Đồng Nai**
 - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
 - Ngành nghề: Sản xuất chế biến sản phẩm đá ốp lát tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
- **Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Nhơn Hòa**
 - Địa chỉ: Xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, Bình Định.
 - Ngành nghề: Khai thác và chế biến đá nghiền sàng xây dựng
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Phú Tài tại Thành phố Hồ Chí Minh**
 - Địa chỉ: 14 E Phan Văn Trị, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
 - Ngành nghề: Kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp.
- **Nhà máy chế biến gỗ ở Phù Cát**
 - Địa chỉ: Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
 - Ngành nghề : sản xuất gỗ.
- **Nhà máy chế biến đá Granit tại Tỉnh Khánh Hoà**
 - Địa chỉ: Ninh Lâm, Vạn Khánh, Vạn Ninh, Khánh Hoà.
 - Ngành nghề: Khai thác, chế biến sản phẩm đá ốp lát Granite nội địa và xuất khẩu.
- **Nhà máy chế biến đá Bazal, Granit Tỉnh Đắk Nông**
 - Địa chỉ: Thôn 13, xã Đăk Wer, Đăk R'Lấp, Đắk Nông .
 - Ngành nghề: Khai thác, chế biến sản phẩm đá ốp lát Granite nội địa và xuất khẩu.
- **Nhà máy chế biến đá Ốp lát tại tỉnh Bình Định**
 - Địa chỉ: huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
 - Ngành nghề: sản xuất sản phẩm đá
- **Nhà máy chế biến đá Ốp lát tại Hưng Yên**

- Địa chỉ: Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
- Ngành nghề: sản xuất sản phẩm đá
- Nhà máy chế biến đá Diên Tân
 - Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà.
 - Ngành nghề: Khai thác, chế biến sản phẩm đá ốp lát Granite nội địa và xuất khẩu.

Công ty con:

- Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên.
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Tuấn Đạt
- Công ty sản xuất đá granite – TNHH Granida
- Công ty Cổ phần Đá Universal Stone
- Công ty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Vina G7
- Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng
- Công ty TNHH MTV Toyota Bình Định

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty



📌 **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Phú Tài. Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

📌 **Hội đồng quản trị**

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm bảy thành viên; trong đó có sáu thành viên tham gia điều hành và một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý của công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết. Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác, và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban tổng giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị cùng với các thông tin của công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| ❖ Ông Lê Vỹ | Chủ tịch HĐQT |
| ❖ Ông Lê Văn Thảo | Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD |
| ❖ Ông Trần Thanh Cung | Thành viên HĐQT kiêm PTGD |
| ❖ Ông Phan Quốc Hoài | Thành viên HĐQT kiêm PTGD |
| ❖ Ông Nguyễn Sỹ Hòe | Thành viên HĐQT kiêm PTGD |
| ❖ Ông Lê Văn Lộc | Thành viên HĐQT |
| ❖ Ông Nguyễn Đức Thắng | Thành viên HĐQT độc lập |

📌 **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty như xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập, thẩm định các báo cáo

tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ v.v... Ban Kiểm soát bao gồm 3 thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu thấy cần thiết. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của công ty bao gồm:

- | | |
|-------------------------|------------|
| ❖ Ông Bùi Thức Hùng | Trưởng ban |
| ❖ Ông Trương Công Hoàng | Thành viên |
| ❖ Ông Nguyễn Đức Hạnh | Thành viên |

✚ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 04 (Bốn người): 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| ❖ Ông Lê Văn Thảo | - Tổng Giám đốc |
| ❖ Ông Phan Quốc Hoài | - Phó Tổng Giám đốc |
| ❖ Ông Trần Thanh Cung | - Phó Tổng Giám đốc |
| ❖ Ông Nguyễn Sỹ Hòe | - Phó Tổng Giám đốc |

Ban Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Phó tổng giám đốc hành chính nhân sự** : được phân công chịu trách nhiệm về công tác tổ chức nhân sự, hành chính, thực hiện chế độ chính sách, chế độ tiền lương và đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Chỉ đạo công tác an toàn bảo hộ lao động, môi trường của công ty. Chỉ đạo hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội trong công ty, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Chỉ đạo trực tiếp phòng Nhân sự – Hành chính công ty. Ngoài ra phải chịu sự phân công của Tổng giám đốc trên một số lĩnh vực hoạt động khác.

- **Phó tổng giám đốc kinh tế - kỹ thuật**: Phó Tổng giám đốc kinh tế - kỹ thuật

chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư, kế hoạch sản xuất của Công ty và các đơn vị thành viên. Kiêm nhiệm Trưởng ban ISO Công ty, có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch chương trình ISO 9001-2000 trong phạm vi toàn Công ty. Ngoài ra phải chịu sự phân công của Tổng giám đốc Công ty trên một số lĩnh vực hoạt động khác.

- **Phó tổng giám đốc kinh doanh:** Phụ trách ngành gỗ của Công ty. Tham gia giúp Tổng giám đốc giải quyết một số công việc đối ngoại kinh doanh. Trực tiếp lãnh đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt đối với tình hình sản xuất kinh doanh của xí nghiệp Thăng Lợi. Ngoài ra phải chịu sự phân công của Tổng giám đốc công ty trên một số lĩnh vực hoạt động khác

*** Các phòng, ban chức năng:**

✦ Phòng Tài chính – Kế toán

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực tài chính, Kế toán, quản lý tài sản, quản lý vốn, kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.
- Theo dõi, phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê theo Pháp lệnh kế toán và thống kê, Luật Kế toán và Điều lệ của Công ty.
- Quản lý tài sản, nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế của Công ty theo quy định của Nhà nước.
- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư.
- Xây dựng kế hoạch định kỳ về giá thành sản phẩm, kinh phí hoạt động, chi phí bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa nhỏ của Công ty và các kế hoạch tài chính khác.
- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.
- Thực hiện các nghĩa vụ đối với NSNN, cổ đông và người lao động theo luật định.
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả kiểm kê định kỳ tài sản, nguồn vốn.
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định và điều lệ Công ty.

Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Công ty phân công

✚ **Phòng Nhân sự - Hành chính**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo qui định của Bộ luật lao động và quy chế công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc tất cả CBCNV trong toàn Công ty thực hiện nghiêm chỉnh nội qui, qui chế của Công ty.
- Tuyển dụng lao động, quản lý nguồn nhân lực, điều phối lao động.
- Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động (Lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm).
- Theo dõi công tác thi đua, kỷ luật của Công ty.
- Quản lý công tác ATVSLĐ, PCCC, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Tiếp nhận các thông tin từ bên ngoài đến Công ty, xử lý các thông tin đó theo chức năng và quyền hạn của mình.
- Tổ chức các Hội nghị và khánh tiết của Công ty.
- Soạn thảo và trình Tổng Giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bản đó.
- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu và các tài liệu của Công ty đảm bảo chính xác, kịp thời, an toàn.
- Bám đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn trong toàn Công ty.

✚ **Phòng Kinh doanh.**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên hàng tháng, quý, năm, kế hoạch chiến lược phát triển trung dài hạn.
- Theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên để kịp thời hỗ trợ đơn vị khi cần thiết và báo cáo ban Tổng giám đốc. Thực hiện tổng hợp số liệu báo cáo tình hình SXKD của toàn công ty theo tháng, quý, năm và đột xuất.
- Hướng dẫn các đơn vị thành viên về các thủ tục pháp lý về đầu tư xây dựng, tham gia đề xuất với ban Tổng giám đốc công tác đầu tư và theo dõi tình hình đầu tư xây dựng của các đơn vị. Hỗ trợ các đơn vị về công tác thị trường.

- Theo dõi tình hình sản xuất của các nhà máy, tham gia xử lý các vấn đề phát sinh.
- Chủ động hoàn toàn trong hoạt động kinh doanh gỗ nguyên liệu của công ty, điều tiết nguyên liệu cho các nhà máy khi cần thiết. Hỗ trợ đơn vị trong nhập khẩu nguyên liệu đá, gỗ.
- Được quyền làm việc với Cơ quan điều hành, khách hàng, các phòng nghiệp vụ, các nhà máy trực thuộc trong phạm vi công việc được phân công.
- Được tham gia việc bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ nhân viên thuộc phòng và đề xuất với Tổng Giám đốc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với những nhân viên trực thuộc phòng không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước: số lượng và tỉ lệ nắm giữ)

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên từ 5% trở lên vốn cổ phần và những người có liên quan

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 25/07/2017

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CNĐKDN/ CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Lê Vỹ	Phường Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn	215259306	2.705.707	10,44
Lê Văn Thảo	26 Trần Khánh Dư, Quy Nhơn	211349920	1.929.214	7,44
Lê Văn Lộc	2/2 Lý Thường Kiệt, P15, Q11, HCMinh	024545361	1.419.530	5,48
Nguyễn Sỹ Hòe	Vũ Bào, Quy Nhơn	215079778	1.373.556	5,29
Tổng cộng			7.428.007	28,66

Bảng 3: Danh sách người có liên quan Ông Lê Vỹ

STT	Họ và tên cổ đông	Quan hệ với CĐ nắm giữ từ 5%	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Võ Thị Hoài Châu	Vợ	025103900	228 đường Hoàng Hoa Thám, P12, Q Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	680.439	2,63
2	Lê Văn Lộc	Em	024545361	Cao ốc Bình Định, P15, Q11, TP Hồ Chí Minh	1.419.530	5,48
3	Lê Anh Văn	Con		228 đường Hoàng Hoa Thám, P12, Q Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	0	0
4	Lê Thục Trinh	Con		228 đường Hoàng Hoa Thám, P12, Q Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	0	0
5	Lê Văn Ngọc	Anh	186551465	P. Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ An	0	0
6	Lê Văn Trường	Em	181138459	Nghị Văn, Nghi Lộc, Nghệ An	0	0

Bảng 4: Danh sách người có liên quan Ông Lê Văn Thảo

STT	Họ và tên cổ đông	Quan hệ với CĐ nắm giữ từ 5%	Số CMT/ ĐKKD	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lê Văn Luận	Em	215110228	P. Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	43.930	0,17
2	Lê Thị Kim Sang	Vợ	211750189	P. Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	279.002	1,07
3	Lê Văn Tân	Con		P. Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	0	0
5	Lê Văn Toàn	Con		P. Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	0	0

Bảng 5: Danh sách người có liên quan Ông Lê Văn Lộc

STT	Họ và tên cổ đông	Quan hệ với CĐ nắm giữ từ 5%	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Minh	Vợ	025150477	Cao ốc Bình Định, P15, Q11, Tp.HCM	113.112	0,44
2	Lê Vỹ	Anh	215259306	Đường Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn	2.705.707	10,44
3	Lê Minh Triết	Con		Cao ốc Bình Định, P15, Q11, Tp.HCM	0	0
5	Lê Minh Dương	Con		Cao ốc Bình Định, P15, Q11, Tp.HCM	0	0
6	Lê Văn Ngọ	Anh	186551465	P.Hung Bình, TP Vinh, Nghệ An	0	0
7	Lê Văn Trường	Anh	181138459	Nghi Văn, Nghi Lộc, Nghệ An	0	0

Bảng 6: Danh sách người có liên quan ông Nguyễn Sỹ Hòa

STT	Họ và tên cổ đông	Quan hệ với CĐ nắm giữ từ 5%	Số CMT/ ĐKKD	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Thị Kim Yến	Vợ	211586799	Vũ Bảo, Quy Nhơn	15.890	0,06
2	Nguyễn Sỹ Huy	Con		Vũ Bảo, Quy Nhơn		
3	Nguyễn Thùy Kim Oanh	Con		Vũ Bảo, Quy Nhơn		

4.2 Cơ cấu cổ đông

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/07/2017

TT	Danh mục	Số lượng	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	1.901	22.458.208	86,64

TT	Danh mục	Số lượng	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
	Cá nhân	1.875	22.151.105	85,46
	Tổ chức	26	307.103	1,18
2	Cổ đông nước ngoài	80	3.461.986	13,36
	Cá nhân	52	394.074	1,52
	Tổ chức	28	3.067.912	11,84
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng	1.981	25.920.194	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Danh sách công ty mẹ: Không có

5.2. Danh sách công ty con:

▪ **Tên công ty: Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên**

- Địa chỉ : 172 Trần Hưng Đạo, Tuy Hòa, Phú Yên
- Ngành nghề kinh doanh : Khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng.
- Vốn điều lệ: 20.500.980.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 50,65% cổ phần.

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên không có công ty con.

▪ **Tên công ty: Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Tuấn Đạt**

- Địa chỉ: P. Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn, Bình Định
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến đá
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 100%.

- **Tên công ty: Công ty Cổ phần Đá Universal**
 - Địa chỉ: 120/2 Trần Huy Liệu, phường 5, quận Phú Nhuận, T/p Hồ Chí Minh
 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, cung cấp lắp đặt sản phẩm đá ốp lát. Thi công công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn thiết kế xây dựng.
 - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 60%
- **Tên công ty: Công ty Cổ phần Vina G7**
 - Địa chỉ: cụm công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 - Ngành nghề kinh doanh: sản xuất sản phẩm gỗ nội thất xuất khẩu
 - Vốn điều lệ: 63.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 75%
- **Tên công ty: Công ty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai**
 - Địa chỉ: cụm công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 - Ngành nghề kinh doanh: sản xuất sản phẩm gỗ nội thất xuất khẩu
 - Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 100%
- **Tên công ty: Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng**
 - Địa chỉ: 151 - 153 Lê Đình Lý, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
 - Ngành nghề kinh doanh: mua bán xe ô tô và phụ tùng, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác
 - Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 100%
- **Tên công ty: Công ty TNHH MTV Toyota Bình Định**
 - Địa chỉ: 278A, đường Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 - Ngành nghề kinh doanh: mua bán xe oto và phụ tùng, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác
 - Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 30/09/2017 là 100%.

5.3. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

6. Quá trình tăng vốn điều lệ:

Bảng 8 : Tình hình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Thời điểm	Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành	Số lượng cổ đông đăng ký mua	Vốn điều lệ sau phát hành	Ghi chú	Đơn vị cấp phép
Thành lập				8.731.000	Mệnh giá 100.000 đồng	Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Định
Lần 1 (01/2006)	Cổ đông hiện hữu	37.892	745	22.264.000	Mệnh giá 100.000 đồng	Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Định
	Người lao động	16.240	158			
	Chào bán ra ngoài	81.198	22			
Lần 2 (01/2007)	Cổ đông hiện hữu	34.076	769	32.000.000	Mệnh giá 100.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước
	Người lao động	14.604	134			
	Chào bán ra ngoài	48.680	19			
Lần 3 (18/04/2008)	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ phát hành 1:0,875	2.799.940	387	59.999.400	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước

Lần 4 (29/04/2010)	phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 3:1. Trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% vốn điều lệ cho cổ đông	2.599.820 □	350	85.997.600	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 5	Phát hành cổ phiếu thưởng, Người lao động	3.400.886		120.006.460	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 6 (6/2015)	Trả cổ tức 20% bằng CP	2.399.880		144.006.340	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 7 (4/2016)	ESOP Chào bán cho cổ đông hiện hữu	3.599.982		180.006.160	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 8 (10/2016)	Trả cổ tức 20% bằng CP	3.599.915		216.005.310	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước
Lần 9 (7/2017)	Trả cổ tức 20% bằng CP	4.319.663		259.201.940	Mệnh giá 10.000 đồng	Ủy ban chứng khoán nhà nước

7. Hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	%/ DTT	Năm 2016	%/ DTT	30/09/2017	%/DTT
I	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.950.753	96,9	3.553.768	97,1	2.813.756	97,0
1	Doanh thu sản phẩm đá các loại	826.067	27,1	1.006.766	27,5	854.683	29,5
2	Doanh thu sản phẩm gỗ các loại	795.612	26,1	1.007.020	27,5	876.207	30,2
3	Doanh thu dịch vụ thương mại xe Toyota	1.319.651	43,3	1.523.732	41,6	1.070.911	36,9
4	Doanh thu bán hàng khác	9.423	0,3	16.250	0,4	11.955	0,4
II	Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.184	3,1	107.744	2,9	87.490	3,0
1	Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota	93.300	3,1	105.813	2,9	86.387	3,0
2	Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	1.360	0,0	1.476	0,0	647	0,0
3	Doanh thu dịch vụ khác	524	0,0	455	0,0	456	0,0
	Cộng	3.045.937	100	3.661.512	100	2.901.246	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

Doanh thu của Công ty phát sinh từ doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ, cụ thể:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu thuần với 96,9% năm 2015 và 97,1% năm 2016. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm bao gồm doanh thu các sản phẩm từ đá, doanh thu sản phẩm từ gỗ, doanh thu dịch vụ thương mại Toyota và doanh thu bán hàng khác. Trong đó, doanh thu thương mại Toyota chiếm tỷ trọng lớn nhất với 43,3% năm 2015 và 41,6% năm 2016. Ngoài ra doanh thu từ các sản phẩm gỗ và sản phẩm đá cũng chiếm tỷ trọng 27,5% trong doanh thu thuần.

Doanh thu cung cấp dịch vụ bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu thuần với 3,1% năm 2015 và 2,9% năm 2016. Tuy nhiên cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho việc bán hàng thành phẩm đạt doanh thu cao hơn. Đơn cử như cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota giúp hoạt động thương mại Toyota đạt doanh thu lớn hơn khi mà khách hàng an tâm khi tham gia mua xe tại Công ty.

Trong năm 2016, doanh thu các hoạt động đều tăng về giá trị nhưng có sự thay đổi về tỷ trọng giữa hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Cụ thể như doanh thu bán các sản phẩm từ gỗ tăng từ 26,1% lên 27,5% trong tỷ trọng doanh thu thuần, mặt khác doanh thu từ thương mại Toyota lại có tỷ trọng giảm từ 43,3% năm 2015 xuống 41,6% năm 2016.

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/09/2017
I	Lợi nhuận bán hàng hóa, thành phẩm	434.607	562.334	450.374
1	Lợi nhuận sản phẩm đá các loại	265.586	351.341	263.428
2	Lợi nhuận sản phẩm gỗ các loại	118.636	169.791	151.373
3	Lợi nhuận dịch vụ thương mại Toyota	48.914	38.043	29.717
4	Lợi nhuận bán hàng khác	1.471	3.159	5.856
II	Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	16.467	23.632	19.260
1	Lợi nhuận dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota	14.617	21.764	18.237
2	Lợi nhuận dịch vụ cho thuê văn phòng	1.360	1.476	647
3	Lợi nhuận dịch vụ khác	490	392	376
III	Giảm giá hàng tồn kho	(469)	-	-
	Cộng	451.543	585.966	469.634

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

Lợi nhuận từ kinh doanh năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015 từ 451,54 tỷ lên 585,97 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm năm 2016

tăng rất cao so với năm 2014 từ 434,6 tỷ đồng lên 562 tỷ đồng. Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ năm 2016 tăng nhẹ so với năm 2015, từ 16,4 tỷ đồng lên 23,6 tỷ đồng.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành.

a) Tình hình đầu tư

Bảng 11: Tình hình đầu tư

ĐVT: triệu đồng

Năm	Giá trị đầu tư quyết toán	Nội dung thực hiện đầu tư
2010	15.760	- Đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các nhà máy chế biến đá ốp lát, khai thác mỏ... tại XN 380. - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành gỗ XN Thăng Lợi, CN Đồng Nai
2011	38.075	- Đầu tư mở rộng nhà xưởng sản xuất tại XN 380. - Nhà máy gỗ XN Thăng Lợi - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành gỗ CN Đồng Nai, ngành đá XN Nhơn Hòa, trang thiết bị kỹ thuật cho ngành TM & DV ô tô XN Toyota.
2012	37.544	- Đầu tư nâng công suất các nhà máy chế biến đá granite, đầu tư khai thác mỏ tại XN 380. - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành gỗ XN Thăng Lợi, CN Đồng Nai
2013	118.779	- Đầu tư cơ sở 2 XN Toyota Đà Nẵng. - Đầu tư mở rộng nhà máy chế biến đá granite XN 380, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị cho hoạt động khai thác mỏ. - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành chế biến gỗ.
2014	93.303	- Đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất nhà máy chế biến đá ốp lát XN 380. - Xây dựng mới văn phòng làm việc XN 380. - Nhà máy gỗ nội thất XN Thăng Lợi. - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành đá XN 380 &

		XN Nhơn Hòa. - Bổ sung máy móc thiết bị cho CN Đồng Nai.
2015	213.690	- Nhà máy chế biến đá tại Đồng Nai - Đầu tư mở rộng nhà máy chế biến gỗ XN Thăng Lợi - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành đá - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành gỗ - Bổ sung máy móc thiết bị cho dịch vụ ô tô
2016	211.157	- Nhà máy chế biến đá tại Đồng Nai - Nhà máy chế biến đá tại Bình Định - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành đá - Bổ sung máy móc thiết bị cho ngành gỗ - Bổ sung máy móc thiết bị cho dịch vụ ô tô

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

• **Nguyên vật liệu**

Nguồn nguyên liệu: Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào và máy móc thiết bị đều được công ty lấy từ các nguồn cung cấp trong nước và nước ngoài, tất cả các hợp đồng được ký kết căn cứ vào nhu cầu sản xuất thực tế, dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường cung ứng.

Bảng 12: Các mỏ đá cung cấp nguyên liệu Công ty cổ phần Phú Tài

STT	Mỏ đá	Trữ lượng (m3)	Địa điểm	Thời hạn khai thác (năm)
1	Mỏ đá núi Sơn Triều	6.183.986	Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn – Bình Định	Đến năm 2035 (25 năm)
2	Mỏ đá núi Ngang	1.878.186	Xã Cát Nhơn – huyện Phù Cát – Bình Định	Đến năm 2031 (20 năm)
3	Mỏ đá núi Hòn Chà	230.191	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đến năm 2031 (20 năm)
4	Mỏ đá núi Lôi	2.862.810	Xã Mỹ Thắng, huyện	Đến năm 2033

	Phù Mỹ		Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	
5	Mỏ đá Bazal Bon Pinao	2.396.955	Xã Nhân đạo – Đăkrláp Tỉnh Đắk Nông	Đến năm 2037 (25 năm)
6	Mỏ đá Hòa Quang Bắc	3.500.000		
7	Mỏ đá Hòa Quang Bắc	354.000	Xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đến năm 2046 (30 năm)
8	Mỏ đá Mỹ Thắng	2.800.000	Xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đến năm 2033 (22 năm)
9	Mỏ đá Diên Tân	2.500.000	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Đang phê duyệt
10	Mỏ đá Sơn Xuân	1.800.000	Xã Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	Đến năm 2025
11	Mỏ đá Yên Bái	29.200.000	Xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Đến năm 2040

• **Chi phí sản xuất**

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng danh mục hàng tháng và quý. Đặc biệt chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng 13: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2015			Năm 2016			3 quý đầu năm 2017		
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	2.594.394	91,8	85,2	3.075.546	92,0	84,0	2.431.612	91,8	83,8
Chi phí tài chính	36.607	1,3	1,2	35.939	1,1	1,0	27.511	1,0	0,9

Chi phí bán hàng	108.786	3,8	3,6	133.679	4,0	3,7	122.292	4,6	4,2
Chi phí quản lý doanh nghiệp	87.576	3,1	2,9	99.249	3,0	2,7	66.803	2,5	2,3
Tổng	2.827.363	100,0	92,8	3.344.413	100,0	91,3	2.648.218	100	91,3

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

Chi phí sản xuất của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần, tỷ lệ chi phí sản xuất trên doanh thu thuần năm 2015, 2016 tương ứng là 92,8% và 91,3%.

Về cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, bình quân chiếm khoảng 92% tổng chi phí sản xuất hàng năm. Cơ cấu chi phí của công ty qua các năm khá ổn định về tỷ trọng, không có sự chênh lệch quá lớn như: giá vốn hàng bán năm 2015 là 91,8% năm 2016 là 92,0%; chi phí tài chính năm 2015 là 1,3% năm 2016 là 1,1%; chi phí bán hàng năm 2015 là 3,8% năm 2016 là 4,0%, tỷ trọng của chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 là 3,1% còn năm 2016 là 3,0%.

Hiện tại, Công ty luôn duy trì cải tiến các công đoạn sản xuất, để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí tới từng đơn vị, bộ phận, cụ thể:

- Thực hiện các phương án nâng cao năng suất lao động tiết kiệm nguyên vật liệu, đặc biệt là tiết kiệm năng lượng (điện, nước, xăng dầu...), đấu thầu khi tổ chức đầu tư thiết bị để hạ giá thành sản phẩm.

- Tập trung sản xuất tốt để hạn chế việc làm thêm giờ và làm ngày chủ nhật, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Thanh lý các máy móc thiết bị không cần thiết, nguyên phụ liệu tồn kho nhằm thu hồi bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.

- **Cơ cấu sản lượng sản phẩm dịch vụ các năm**

Bảng 14 : Sản lượng sản phẩm dịch vụ tiêu thụ của năm 2015, 2016

STT	Đơn vị	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Đá ốp lát	m2	2.600.000	3.500.000
2	Đá thủ công	m3	3.300	1.450
3	Đá nghiền sàng	m3	440.000	240.000
4	Gỗ tinh chế	m3	16.602	19.562

5	Gỗ nguyên liệu	m3	28.318	47.778
6	Xe Toyota	Chiếc	1.791	1.994
7	Dịch vụ sửa chữa	Lượt	33.865	37.764

(Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài)

Một số hình ảnh sản phẩm gỗ chính



Một số hình ảnh sản phẩm đá chính



Một số hình ảnh sản phẩm xe Toyota



- **Trình độ công nghệ**

Bảng 15: Danh sách máy móc thiết bị chính

TT	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ
1	Xe nâng, xe xúc lật, xe đào	Nhật, TQ
2	Thiết bị máy khoan - nén khí	Nhật
3	Hệ thống máy cưa bở, máy cưa gang saw đá Granite	Nhật, TQ
4	Hệ thống máy đánh bóng, cắt qui cách đá Granite	Ý, Nhật, TQ
5	Dây chuyền sơn sản phẩm gỗ	Đài Loan
6	Hệ thống lò sấy gỗ tự động	Đài Loan, VN
7	Thiết bị ghép chi tiết gỗ	Đài Loan

8	Thiết bị cưa, đục, khoan, rong . . . chi tiết gỗ	Đài Loan
9	Thiết bị nâng, kiểm tra, sửa chữa xe ô tô	Ý, Hàn Quốc
10	Thiết bị sơn sậy xe ô tô	Ý

(Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài)

Hiện nay các máy móc, trang thiết bị mà Công ty đang sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất được sản xuất trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Ngành đá, máy móc thiết bị nhập khẩu từ các nước: Nhật Bản, Ý, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc. Ngành gỗ, các dây chuyền máy móc thiết bị hầu hết nhập khẩu từ Đài Loan. Các loại máy móc, thiết bị tương đối hiện đại, hiện đang chạy với 80-90% công suất ban đầu, đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Để đảm bảo cho tất cả máy móc, thiết bị của Công ty tham gia vào sản xuất đạt hiệu quả cao, Công ty đã xây dựng quy trình kiểm tra duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo nhiều cấp, công việc này được tiến hành nghiêm ngặt theo từng ngày và định kỳ.

- **Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Trên cơ sở điều tra khảo sát thị trường và tìm hiểu nhu cầu khách hàng, Công ty đã nghiên cứu tìm hiểu các nhu cầu mới của khách hàng, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới, áp dụng cải tiến kỹ thuật mới tiên tiến trong và ngoài nước. Tìm kiếm các nhu cầu khác nhau của từng khách hàng để có cách thức triển khai mới phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Công ty đã tổ chức Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đặt tại các nhà máy, tập hợp những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển những dòng sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty.

- **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Công tác quản lý chất lượng được tổ chức từ cấp Công ty đến các XN, nhà máy. Bộ phận quản lý chất lượng được đảm nhiệm công việc tại các khâu quan trọng của các dây chuyền sản xuất cho đến thành phẩm nhập kho. Đây là bộ phận chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng yêu cầu khách hàng, ngoài ra còn thực hiện chức năng giám sát việc thực thi chính sách chất lượng tại các đơn vị, bộ phận liên quan.

Các chỉ tiêu chất lượng sau khi được đánh giá sẽ lưu thành hồ sơ phục vụ cho việc

cải tiến hệ thống chất lượng, cải tiến quy trình tổ chức SX, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập người lao động.

7.3. Hoạt động Marketing

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín không chỉ tại thị trường trong nước mà các đối tác nước ngoài cũng đánh giá rất cao sản phẩm và dịch vụ của công ty.

7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Phú Tài:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

↳ Nhìn từ bên ngoài:

- Hai vòng cung:

Về nghĩa đen: Chú trọng đến khuôn thước, mẫu mực trong hoạt động SXKD, cân bằng mọi lợi ích.

Về nghĩa bóng: Nói lên mối quan hệ làm ăn với các đối tác đến từ bốn phương của toàn cầu, phù hợp với giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế.

Về màu sắc của Logo: Logo được xây dựng trên nền của 02 màu chủ đạo

Màu cam: tượng trưng cho sự nhiệt huyết, tận tâm trong công việc, không ngừng vươn cao.

Màu xanh nước biển: Tượng trưng cho tương lai, hy vọng về sự phát triển không ngừng của Công ty, nó còn có ý nghĩa như sự bao la, mênh mông của đại dương xanh biếc và vô tận.

↳ Nhìn từ bên trong:

* Về hình tượng của Logo:

- Chữ Phú tài: Đại phú – Phát tài thể hiện sự giàu có và phát triển bền vững.

- Ngôi sao: sự tỏa sáng, luôn đi đầu.

Logo được đặt trên nền tảng của chữ Phú Tài như thể hiện sự bền vững với thời gian.

7.5. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

Bảng 16: Các hợp đồng sản xuất kinh doanh 2016

Khách hàng	Trị giá	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
Kingfisher Co	8,143 triệu USD	Tháng 4-12/2017	SP gỗ
Noble House Co. LTD	6,7 triệu USD	Tháng 4 – 11/2017	SP gỗ
Safavieh Co. LTD	8,0 triệu USD	Tháng 3 – 12/2017	SP gỗ
Carrefour Co. LTD	9,0 triệu USD	Tháng 3 – 12/2017	SP gỗ
Prometeo	3,2 triệu USD	Tháng 5 – 11/2017	SP đá
Mensure LTD	2,8 triệu USD	Tháng 6 – 11/2017	SP đá
Công ty xây dựng 703	7,7 tỷ đồng	Tháng 5 – 12/2017	SP đá

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

8.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng 2016 so với 2015	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2017
1	Tổng tài sản	1.241.448	1.810.520	45,8%	2.296.327
2	Doanh thu thuần	3.045.875	3.661.513	20,2%	2.901.246
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	228.382	327.033	43,2%	261.800
4	Lợi nhuận khác	7.154	10.649	48,9%	9.485
5	Lợi nhuận trước thuế	235.536	337.682	43,4%	271.285
6	Lợi nhuận sau thuế	183.456	278.223	51,7%	230.075

7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	19,6%	23,3%	18,7%	
---	----------------------------	-------	-------	-------	--

Nhìn chung các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2016 đều tăng mạnh so với năm 2015, tổng tài sản tăng 45,8%, doanh thu thuần tăng 20,2%, lợi nhuận từ hoạt động SXKD tăng 43,2%, lợi nhuận trước thuế tăng 43,4% và đặc biệt lợi nhuận sau thuế tăng rất cao 51,7%, lợi nhuận khác tăng 48,9%. Thể hiện kết quả 1 năm hoạt động hiệu quả Công ty.

Tính riêng 9 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần đã đạt trên 2,9 nghìn tỷ đồng tương đương 79,2% so với doanh thu cả năm 2016. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm đạt 271,3 tỷ đồng, đạt 80,3% lợi nhuận trước thuế năm 2016.

8.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

Những khó khăn cơ bản:

- Tình hình chính trị - kinh tế thế giới và khu vực với sự kiện tranh chấp chủ quyền có diễn biến phức tạp, cản trở sự phục hồi tăng trưởng của kinh tế. Thị trường trong nước và xuất khẩu phục hồi chậm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

- Môi trường kinh doanh không thuận lợi, tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, tác động không thuận lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ của Công ty.

- Các sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm của các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và các sản phẩm nhập khẩu.

Những thuận lợi cơ bản:

- Chất lượng sản phẩm được Công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin nơi khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp cho Công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng. Phú Tài luôn kiên định với những chính sách như: đẩy mạnh và duy trì tốt mối quan hệ kinh doanh với đối tác, giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro của khách hàng khi sử dụng sản phẩm, giá cả hợp lý nhằm tạo lợi nhuận cho khách hàng, thông tin trong kinh doanh luôn minh bạch. Đây cũng là triết lý kinh doanh của Công ty từ khi thành lập cho đến nay.

- Chủ động công tác quảng bá, tiếp thị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh; xây dựng và phát triển thương hiệu nhằm củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Công ty luôn duy trì tốt mối quan hệ với các Ngân hàng tại tỉnh Bình Định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

- Các yếu tố vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, lãi suất vay vốn giảm dần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng với chi phí hợp lý.
- Thị trường ô tô tăng trưởng mạnh, thị trường bất động sản trong nước phục hồi, cả nước và tỉnh Bình Định có nhiều dự án phát triển hạ tầng giao thông và xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi về thị trường cho ngành kinh doanh ô tô và ngành đá Công ty.
- Công ty đã tận dụng tốt những lợi thế của mình để khai thác hiệu quả các yếu tố thuận lợi của môi trường kinh doanh.
- Chất lượng nguồn nhân lực nâng cao từ việc tích lũy kinh nghiệm trong thực tiễn hoạt động SXKD.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

👉 Năng lực hiện tại của Công ty

Qua quá trình hoạt động, Công ty đã không ngừng phát triển. Doanh thu năm vượt qua mức 3.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 - 2016 bình quân trên 20% năm. Năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty đối với các ngành nghề như sau:

- Ngành sản xuất đá ốp lát năng lực sản xuất: >4.300.000 m²/năm.
- Quản lý 11 mỏ đá granite, basal, đá nghiền sàng với trữ lượng khoảng 52,7 triệu m³ và có thời gian khai thác trên 20 năm.
- Ngành sản xuất đồ gỗ có công suất > 20.000 m³/năm.
- Tổng diện tích mặt bằng các nhà máy sản xuất gỗ: 180.000 m²
- Ngành kinh doanh, dịch vụ sửa chữa xe Toyota có công suất 36.000 lượt xe/năm, khả năng tiêu thụ 2.000 chiếc/năm, dự kiến năm 2017 là 2.300 xe

👉 Quy mô của Công ty

Công ty có 11 đơn vị thành viên cùng 8 công ty con, hoạt động kinh doanh tại các tỉnh Bình Định, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Nông, Đồng Nai và Tp. Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Yên Bái. Tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.033 tỷ, trong đó giá trị tài sản cố định ròng của công ty đạt 635 tỷ đồng, chiếm 31,2% tổng tài sản Công ty.

👉 Thị phần của Công ty

Trong nhiều năm qua, Công ty đã thiết lập và giữ vững được thị phần rộng lớn với những khách hàng truyền thống, Công ty cũng đang tìm kiếm và mở rộng thêm khách hàng trong và ngoài nước. Đến nay thị phần của Công ty bao gồm những tỉnh thành :

- Sản phẩm đá tiêu thụ nội địa: Tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Đà Nẵng, Bình Định, Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- Sản phẩm đá xuất khẩu : Các nước Châu Âu, Châu Á...
- Sản phẩm gỗ: Xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á.
- Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota: Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, KomTum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên...
- Dịch vụ thương mại: kinh doanh mặt hàng gỗ tại các tỉnh Đà Nẵng, Bình Định, Gia Lai, Phú Yên, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

👉 Đối thủ cạnh tranh

- Đối với sản phẩm đá: Do tính chất phổ thông về công nghệ chế biến và khai thác nên có nhiều doanh nghiệp tham gia kinh doanh và cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra còn có sự cạnh tranh của các công ty nước ngoài, chủ yếu là các doanh nghiệp Trung Quốc, Ấn Độ.

- Đối với sản phẩm gỗ: Có nhiều đối thủ bao gồm doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tại Việt Nam (Đài Loan, Trung Quốc ...).

👉 Triển vọng phát triển của ngành

- Ngành khai thác mỏ và chế biến đá: theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành vật liệu xây dựng đến năm 2020 và định hướng tới năm 2030, tổng nhu cầu đá xây dựng lên tới 181 triệu m³ vào năm 2020; vật liệu ốp lát đạt 470 triệu m². Các dự án giao thông lớn được đẩy mạnh đầu tư tại khu vực phía Nam trong tương lai gần như Sân bay Long Thành, cao tốc Dầu Giây – Phan Thiết, quốc lộ 20 chạy lên Đà Lạt và nhiều dự án giao thông khác sẽ là động lực tăng trưởng cho nhu cầu về mặt hàng đá xây dựng. lĩnh vực đường bộ đến năm 2020 tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thành 2.000 km đường cao tốc. Với những yếu tố đó, doanh nghiệp trong ngành đá xây dựng vẫn được đánh giá cao với nhiều tiềm năng phát triển.

- Ngành khai thác và chế biến gỗ: Gỗ và sản phẩm gỗ là một trong 10 nhóm hàng chủ yếu trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, với kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2016 đạt gần 7 tỷ USD. Tổng cục Lâm nghiệp phối hợp các bộ, ngành rà soát văn kiện để ký kết thúc đàm phán Hiệp định VPA/FLEGT với EU. Đây là những tiền đề quan trọng để thúc đẩy ngành sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ phát triển ổn định, bền vững đáp ứng nhu cầu thị trường quốc tế. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và nội thất xuất khẩu

từ Việt Nam sang EU sẽ được hưởng mức thuế 0% khi EVFTA có hiệu lực. Mức thuế này được áp dụng cho các sản phẩm gỗ chế biến và sản phẩm gỗ (mức thuế trước EVFTA là 3%); đồ nội thất bằng tre hoặc mây (mức thuế trước là 5,6%); ván ép gỗ (trước là 4%), đồ trang trí bằng gỗ (trước là 3%). Cam kết này sẽ cải thiện hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU một cách đáng kể. Ngoài ra, việc áp dụng VPA trong tương lai đòi hỏi tất cả các mặt hàng gỗ được xuất khẩu và tiêu thụ nội địa phải là các sản phẩm hợp pháp, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về môi trường, xã hội và kinh tế. Đây cũng là một thách thức lớn dành cho các doanh nghiệp khai thác và chế biến gỗ ở Việt Nam. Nguồn cung gỗ trong nước chủ yếu là từ nguồn gỗ rừng trồng, với lượng khai thác hàng năm khoảng trên 24 triệu m³ gỗ tròn. Tuy nhiên gỗ có kích thước lớn từ nguồn này chỉ chiếm 20-30% trong tổng lượng khai thác. Đây là lượng gỗ có thể được đưa vào chế biến đồ gỗ phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Phần còn lại (70-80%) là gỗ nhỏ, chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu dăm để xuất khẩu. Như vậy, ngành khai thác và chế biến gỗ có dư địa lớn để phát triển nếu doanh nghiệp thực hiện việc chủ động nguồn nguyên vật liệu “sạch” và ứng dụng công nghệ cao trong chế biến sản phẩm gỗ.

- Kinh doanh thương mại ô tô: năm 2017 có thể được coi là năm chuyển giao quan trọng đối với ngành công nghiệp ô tô nói chung và bán lẻ ô tô nói riêng về mặt chính sách. Từ 1/1/2017, thuế nhập khẩu ô tô từ ASEAN giảm xuống còn 30% so với mức 40% của năm 2016 và tiến tới còn 0% vào đầu năm 2018. Chính phủ có những chính sách điều tiết cụ thể hơn nhằm bảo hộ ngành công nghiệp ô tô trong nước và bảo đảm nguồn thu ngân sách gồm: Bổ sung ngành ô tô (sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô) vào ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Bên cạnh đó, một yếu tố khác ảnh hưởng đến thị trường ô tô trong nước là chính sách lãi suất. Tỷ lệ sở hữu ô tô ở Việt Nam còn ở mức rất thấp so với khu vực. Trong khi tỷ lệ hộ gia đình sở hữu xe ô tô ở Việt Nam chỉ khoảng trên dưới 10%, con số này ở Philipine là 53%, Indonesia là 54% và Malaysia là 93%. Với mặt bằng lãi suất thấp và ổn định, nhu cầu tín dụng ô tô cũng tăng trưởng mạnh kéo theo sự phát triển của ngành ô tô trong nước.

➤ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng ngành, chính sách nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty phù hợp với định hướng ngành và xu thế chung của thế giới:

- Đối với ngành khai thác và chế biến đá: mở rộng quy mô theo chiều sâu tăng công suất chế biến lên 6,5 triệu m² sản phẩm vào năm 2020. Xây dựng nhà máy chế biến đá ốp lát ở mỏ Diên Tân – Khánh Hòa. Đầu tư mở rộng nhà máy chế biến đá tại Hưng Yên và đầu tư bổ sung thêm máy chế biến đá marble tại nhà máy chế biến đá Đồng Nai, Yên Bái.... Chú trọng mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ các mỏ do Công ty sở hữu, khai thác có hiệu quả các nhà máy mới đầu tư.

- Khai thác và chế biến gỗ: đầu tư nhà máy chế biến gỗ Phù Cát, nghiên cứu đầu tư nguồn nguyên liệu từ rừng trồng tạo sự phát triển ổn định lâu dài cho Công ty.

10. Chính sách đối với người lao động

❖ Số lượng người lao động

Nhận thức được chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững nên Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, lành nghề và năng động lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến thời điểm 30/06/2017, số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 3.991 người.

Bảng 18: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2017 của công ty Phú Tài

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
I	Phân loại theo tính chất lao động	4.213	
1	Lao động gián tiếp	670	16
2	Lao động trực tiếp	3.543	84
II	Phân loại theo trình độ	4.213	
1	Đại học cao đẳng	480	11,4
2	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	143	3,4
3	Sơ cấp, tự đào tạo	3.590	85,2
III	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	2.786	66,13
2	Lao động Nữ	1.427	33,87

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài)

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

▪ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty cổ phần Phú Tài luôn quan tâm đến chính sách đối với người lao động. Số giờ làm việc trong tuần là 48 giờ/tuần. Số giờ làm một ngày là 8 giờ/ngày.

Bảo hộ lao động: Người lao động được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng qui định và điều kiện môi trường làm việc.

Chế độ khám sức khoẻ cho người lao động: Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

▪ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo người lao động:**

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tuỳ theo yêu cầu của công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể để đáp ứng yêu cầu chung là đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, trung thực, sáng tạo.

Công tác đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Với những hình thức đào tạo trên, Công ty đã tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực bản thân, kỹ năng công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của công ty nhằm gia tăng về chất lượng lao động. Hàng năm, công ty duy trì việc đào tạo nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp; tổ chức cho cán bộ nhân viên quản lý tham gia các khoá học về kiến thức quản lý, chuyên môn.

▪ **Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi**

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả kinh doanh thực hiện, kết hợp với giá trị công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng của nền kinh tế, xã hội như: mặt bằng thị trường từng địa phương, hệ số trượt giá, tăng trưởng về thu nhập bình quân . . . Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc. Thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước.

Có chính sách khen thưởng – kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

Chế độ phúc lợi: Công ty đóng đầy đủ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng chế độ của Luật lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp khác nhau dành cho người lao động.

❖ **Tình hình thu nhập của của công nhân viên**

Bảng 19: Tình hình thu nhập của Cán bộ công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	5.981.161	6.359.214
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.538.525	6.712.216

11. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

❖ Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm như sau

**Bảng 20: Tình hình chia cổ tức của Công ty Cổ phần Phú Tài
các năm 2014, 2015, 2016**

Đơn vị tính: đồng

Năm	2014	2015	2016
Lợi nhuận sau thuế	108.650.251.173	183.455.619.030	278.223.446.652
Cổ tức /mệnh giá (%)	20%	20%	30%
+ Tiền mặt	-	-	10%
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	20%	20%	20%

12. Các chỉ tiêu tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù

hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

📌 Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Vốn điều lệ của công ty là 259.201.940.000 đồng. Số vốn điều lệ được đầu tư vào xây dựng trụ sở chính, nhà xưởng và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất ...

Vốn kinh doanh của Công ty đến cuối năm 2016 là 1,81 nghìn tỷ đồng. Trong đó vốn chủ sở hữu là 796 tỷ đồng còn lại là các khoản vay nợ ngắn và dài hạn là 1,014 nghìn tỷ đồng. Tính đến ngày 30/09/2017, vốn kinh doanh của Công ty là 2,296 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 958 tỷ đồng, các khoản nợ phải trả là 1,338 nghìn tỷ đồng. Các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích phục vụ cho các nhu cầu của hoạt động SXKD, kinh doanh dịch vụ xe ô tô, nguyên liệu nhập khẩu, đầu tư trang thiết bị cho các nhà máy...

📌 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	4 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm

📌 Mức lương bình quân

Với quy chế đảm bảo sự công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc, mức lương và thu nhập của năm 2015 là 6,0 triệu và 6,5 triệu. Năm 2016 là 6,4 triệu và 6,7 triệu đồng.

📌 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

⚡ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

Bảng 21: Các khoản phải nộp

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Thuế giá trị gia tăng	988.163.949	3.736.788.424	2.736.557.010
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.203.405.828	31.121.985.536	23.317.402.997
3	Thuế thu nhập cá nhân	439.338.643	306.707.745	487.906.426
4	Thuế tài nguyên	655.639.568	711.640.542	964.160.518
5	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	553.860.000	30.000.00	362.309.140
6	Các loại thuế khác	592.250.130	1.421.872.787	2.390.877.827
7	Các khoản phí, lệ phí khác	258.021.598	205.717.571	347.553.307
Tổng		32.690.679.716	37.534.712.605	32.288.844.797

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

⚡ **Trích lập các Quỹ theo luật định**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

⚡ **Tổng dư nợ vay**

Đối tác thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay cho công ty, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi của Công ty đã được trích lập dự phòng đầy đủ và đúng theo quy định.

⚡ **Hàng tồn kho**

Bảng 22: Hàng tồn kho

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Hàng mua đi đường	13.363.979.863	18.422.858.221	20.669.489.218
2	Nguyên liệu, vật liệu	170.716.784.524	224.492.892.891	321.808.978.786
3	Công cụ, dụng cụ	1.276.114.918	2.808.620.694	2.738.539.003
4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	96.259.463.877	209.510.220.080	246.767.484.233
5	Thành phẩm	15.907.147.075	7.126.527.405	20.216.641.798
6	Hàng hóa	69.170.359.178	68.550.417.090	67.356.879.229
7	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	Tổng	366.693.849.435	530.911.536.381	679.558.012.267

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

Hàng tồn kho của Công ty tập trung chủ yếu vào nguyên liệu, vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa (chiếm trên 90% tỷ trọng hàng tồn kho). Đây là số nguyên vật liệu chưa được đưa vào sản xuất; các sản phẩm đang sản xuất dở dang và các hợp đồng chưa đến ngày giao hàng.

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 23: Các khoản phải thu

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
I	Phải thu ngắn hạn	237.047.292.357	448.561.805.046	519.721.426.112

1	Phải thu của khách hàng	219.797.180.696	390.116.119.671	350.365.444.483
2	Trả trước cho người bán	25.246.695.956	58.824.458.302	63.431.644.616
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn			99.584.600.000
4	Các khoản phải thu khác	2.745.705.354	5.184.607.519	11.678.025.796
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(10.742.289.649)	(5.912.883.647)	(5.637.791.984)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	229.503.201	299.503.201
II	Phải thu dài hạn	6.602.191.832	6.562.712.422	6.967.628.007
1	Phải thu dài hạn khác	6.602.191.832	6.562.712.422	6.967.628.007

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

Khoản phải thu khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản phải thu, đây là khoản mà công ty đã giao hàng theo hợp đồng nhưng chưa nhận được hoặc chưa đến hạn thanh toán.

Bảng 24: Các khoản phải trả

ĐVT: đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
I	Phải trả ngắn hạn	713.643.970.766	995.070.359.524	1.200.762.856.403
1	Phải trả cho người bán	103.245.818.459	144.086.723.704	189.296.942.489
2	Người mua trả tiền trước	12.244.382.476	21.410.583.718	26.162.680.334

3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	32.690.679.716	37.534.712.605	30.606.767.225
4	Phải trả người lao động	64.197.291.861	55.795.017.646	37.103.393.103
5	Chi phí phải trả	5.949.240.575	10.811.269.238	10.789.521.552
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	275.327.039	225.323.517	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.915.530.090	18.042.589.325	20.773.524.072
8	Vay và nợ thuê tài chính	469.728.974.987	668.174.834.877	829.535.804.138
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	11.130.300.463	9.670.013.999	10.891.902.092
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.266.425.100	29.319.290.895	45.602.321.398
II	Phải trả dài hạn	10.311.375.619	19.187.889.453	137.245.815.913
1	Phải trả dài hạn khác	753.673.824	552.366.534	481.366.534
2	Vay và nợ thuê tài chính	8.162.650.000	16.056.850.000	134.626.217.115
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	767.999.734	15.843.037
4	Dự phòng phải trả dài hạn	1.395.051.795	1.810.673.185	2.122.389.227

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC tự lập hợp nhất quý III/2017)

Phải trả cho người bán, chủ yếu là các nhà cung cấp truyền thống đã hợp tác với công ty trong một thời gian dài. Do hoạt động kinh doanh liên tục nên các khoản phải trả người bán với các đối tác này thay đổi liên tục và cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng

đư nợ phải trả. Thông thường, khi hoàn thành 1 hợp đồng công ty sẽ thanh toán toàn bộ các khoản phải trả theo hợp đồng cho các đối tác trên. Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển, thực hiện nhiều hợp đồng và giá trị hợp đồng ngày càng tăng.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 25: Chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Phú Tài

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,12	
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,63	0,58	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,58	0,56	
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,40	1,27	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,08	5,79	
	- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Lần	2,45	2,02	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	6,02%	7,60%	
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	35,45%	34,94%	
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	14,78%	15,37%	
	- Hệ số LN gộp /DT thuần	%	7,50%	8,93%	
	-EPS		7.535	11.217	

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, BCTC kiểm toán hợp nhất bán niên 2017)

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách

📌 Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 26: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Năm sinh	CMND
1	Ông Lê Vỹ	Chủ tịch HĐQT	2.705.707	1958	215259306
2	Ông Trần Thanh Cung	Thành viên	1.076.848	1957	215182830
3	Ông Phan Quốc Hoài	Thành viên	472.207	1967	215091444
4	Ông Lê Văn Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	1.929.214	1971	211349920
5	Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên	1.373.556	1970	215079778
6	Ông Lê Văn Lộc	Thành viên	1.419.530	1973	0245452361
7	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên	316.941	1979	025110460

📌 Danh sách Ban Giám đốc

Bảng 27: Danh sách Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Năm sinh	CMTND
1	Ông Lê Văn Thảo	Tổng Giám đốc	1.929.214	1971	211349920
2	Ông Trần Thanh Cung	P. Tổng Giám đốc	1.076.848	1957	215182830
3	Ông Phan Quốc Hoài	P. Tổng Giám đốc	472.207	1967	215091444
4	Ông Nguyễn Sỹ Hòe	P. Tổng Giám đốc	1.373.556	1970	215079778

📌 Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng 28: Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Năm sinh	CMTND
1	Ông Bùi Thúc Hùng	Trưởng ban	102.440	1963	215190175
2	Ông Trương Công Hoàng	Thành viên	4.086	1974	211476609
3	Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	1.872	1978	211685772

👤 **Kế toán trưởng**

Bảng 29: Danh sách kế toán

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Năm sinh	CMTND
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan	Kế toán trưởng	4.533	1976	211622778

13.2. Sơ yếu lý lịch

❖ **Hội đồng quản trị**

Ông: LÊ VỸ			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	20/12/1958	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	215259306, ngày cấp 16/10/2008, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	P. Nguyễn Văn Cừ– Tp. Quy Nhơn- tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0256) 3847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		

Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 2/1975 – 8/1979: Công tác tại E166, E167 – Quân khu 4. - Từ tháng 9/1977 – 4/1984: Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội. - Từ tháng 5/1984: Trợ lý kế hoạch XN 378, Giám đốc XN 230, Giám đốc Công ty Thăng Lợi - Quân khu 5. - Từ tháng 4/2000 đến nay: Phó giám đốc, Giám đốc công ty Phú Tài, Tổng giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phú Tài, Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Phú Tài. 	
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	+ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Toyota Bình Định; Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng. + Quân hàm trong quân đội: Đại tá
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại phần Vốn nhà nước	2.705.707 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Vợ: Bà Võ Thị Hoài Châu Em ruột: Ông Lê Văn Lộc	680.439 cổ phần 1.419.530 cổ phần

Ông: TRẦN THANH CUNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Tỉnh Sơn – Sơn Tĩnh – Quảng Ngãi
Ngày tháng năm sinh	02/05/1957	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tỉnh Sơn – Sơn	Quốc tịch	Việt Nam

	Tỉnh - Quảng Ngãi		
Số CMND	215182830, ngày cấp 08/03/2007, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	262A Nguyễn Thái Học -Tp. Quy Nhơn- tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(02563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp lý luận chính trị		
Quá trình công tác			
<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1976: nhập ngũ, sau đó được cử đi học lớp trung cấp chính trị và lớp cán bộ tiểu đoàn trường Quân chính - Quân khu 5 - Từ tháng 01/1982 - 3/2000: Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Phó giám đốc XN 230, Phó giám đốc Công ty Thắng Lợi. - Từ tháng 4/2000 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phú Tài. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT-Phó Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Quân hàm trong Quân đội: Đại tá		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.076.848 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước			
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan			
Vợ: Bà Văn Thị Vinh	103.330 cổ phần		
Em trai: Trần Thế Triều	1.972 cổ phần		

Ông: PHAN QUỐC HOÀI			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Phố 10, Phan Đình Phùng – Thái Nguyên
Ngày tháng năm sinh	17/05/1967	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hương Thái - Hương Trà - Thừa Thiên Huế	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	215091444, ngày cấp 19/05/2016, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Trần Quang Diệu – Tp.Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0256) 3847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác			
<ul style="list-style-type: none"> - Đã qua đào tạo: Trường sỹ quan tài chính, Đại học kinh tế Đà Nẵng - Từ tháng 8/1988 – 12/2004: Kế toán trưởng XN 380, kế toán trưởng Công ty Phú Tài - Quân khu 5 - Từ tháng 01/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác		Quân hàm trong Quân đội: Thượng tá	
Số cổ phần nắm giữ		472.207 cổ phần	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân			
+ Số cổ phần đại phần vốn Nhà nước			
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		Không	

Ông: LÊ VĂN THẢO			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Diêu Trì – Tuy Phước – Bình Định
Ngày tháng năm sinh	10/10/1971	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Diêu Trì – Tuy Phước – Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211349920 ngày cấp 29/03/2005, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0256) 3841301	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác			
<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 9/1989 – 7/1994: Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng - Từ tháng 8/1994 – 12/2004: Trợ lý kế hoạch, Phó giám đốc XN 380 - Từ tháng 01/2005 đến 5/2017: Giám đốc Xí nghiệp 380, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phú Tài - Từ 5/2017 đến nay; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phú Tài 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Cty CP VLXD Phú Yên HĐQT Cty Univeral Stone Joint Stock Company Chủ tịch HĐQT công ty sản xuất đá Granite - TNHH		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.929.214 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		

Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
Vợ: Lê Thị Kim Sang	279.002 cổ phần
Em ruột: Ông Lê Văn Luận	43.930 cổ phần

Ông: NGUYỄN SỸ HOÈ			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Diễn Hải – Diễn Châu – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	02/09/1970	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Diễn Hải – Diễn Châu – Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	215079778, ngày cấp 23/02/2013, cấp tại Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Trần Quang Diệu – Tp.Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847886	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư ngành chế biến lâm sản.		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1988 – 6/1993: Tốt nghiệp Trường Đại học lâm nghiệp. - Từ tháng 7/1993 – 8/2002: Phó quản đốc, Quản đốc phân xưởng, Phó giám đốc XN Thăng Lợi. - Từ tháng 9/2002 đến nay: Giám đốc XN Thăng Lợi – Công ty cổ phần Phú Tài, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phú Tài 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phú Tài		

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	1.373.556 cổ phần Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Vợ: Bà Bùi Thị Kim Yến	15.890 cổ phần

Ông: LÊ VĂN LỘC			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	29/12/1973	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	0245452361, ngày cấp 16/01/2010, TP.HCM		
Địa chỉ thường trú	Phòng B3 lầu 8 cao ốc Bình Định 2/2 Lý Thường Kiệt – P 15 – Q.11 – TP.HCM.		
Điện thoại cơ quan	(0613) 512837	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 1/1996 – 6/1996: Nhân viên kế hoạch xí nghiệp 230, Cục Hậu cần QK5. - Từ tháng 7/1996 – 8/2002: Trợ lý kế hoạch xí nghiệp Thắng Lợi, Cty Phú Tài. - Từ tháng 9/2002 – 9/2004: Phó giám đốc chi nhánh TPHCM – Cty Phú Tài. 		

<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/2000 – 3/2017: Giám đốc chi nhánh Đồng Nai – Cty CP Phú Tài. - Từ tháng 3/2017 đến nay: Giám đốc công ty TNHH MTV Phú Tài – Đồng Nai. 	
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT – Giám đốc công ty TNHH MTV Phú Tài – Đồng Nai.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Vina G7
Số cổ phần nắm giữ	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.419.530 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
Vợ: Bà Nguyễn Thị Minh	113.112 cổ phần
Anh ruột: Ông Lê Vỹ	2.705.707 cổ phần

Ông: NGUYỄN ĐỨC THẮNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	18/12/1979	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	025110460, ngày cấp 12/03/2009, cấp tại tỉnh Hồ Chí Minh		
Địa chỉ thường trú	Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q. 7, Tp HCM		
Điện thoại cơ quan	(083) 9102215	Trình độ văn	12/12

		hóa	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác			
<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/2001 - 2012: Nhân viên phân tích, trưởng phòng phân tích, phó giám đốc chi nhánh, giám đốc đầu tư – Công ty CP chứng khoán Thăng Long- chi nhánh TPHCM. - Từ tháng 6/2006 - 2012: Thành viên HĐQT Cty CP thực phẩm Cholimex. - Từ tháng 6/2007 - 2011: Thành viên HĐQT Cty An Phú – Bình Dương. - Từ tháng 3/2008 – T12/2016: Thành viên HĐQT Cty CP cao su Phước Hòa. - Từ tháng 3/2008 – đến nay: TV HĐQT công ty CP Phú Tài. - Từ tháng 4/2012- đến nay: Giám đốc điều hành công ty Quảng trường đỏ. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác			
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	316.941 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của tổ chức có liên quan	Không		

❖ Ban Giám đốc

Ông LÊ VĂN THẢO	SYLL Hội đồng quản trị
Ông TRẦN THÀNH CUNG	SYLL Hội đồng quản trị
Ông PHAN QUỐC HOÀI	SYLL Hội đồng quản trị
Ông NGUYỄN SỸ HÒE	SYLL Hội đồng quản trị

❖ Ban kiểm soát

Ông: BÙI THỨC HÙNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hương Thủy, Hương Khuê, Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	10/08/1963	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hương Thủy, Hương Khuê, Hà Tĩnh	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	215190175, ngày cấp 13/03/2013, cấp tại Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Nguyễn Văn Cừ - Tp. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none">- Tháng 9/1983: nhập ngũ- Tháng 9/1983 - 6/1986: tốt nghiệp Cao đẳng tài chính-Trường SQ Tài chính- Tháng 7/1986 - 5/1991: Trợ lý tài chính trung đoàn 914 – sư đoàn 173- Tháng 6/1991 - 11/1992: Học Đại học bách khoa Đà Nẵng Phân hiệu 2 kinh tế - khoa tài chính kế toán.- Tháng 12/1992 - 5/1996: Kế toán trưởng xí nghiệp 230-Cục hậu cần-QK 5- Tháng 6/1996 - 6/2000: Kế toán trưởng công ty Thắng Lợi-Công ty Phú Tài-QK 5- Tháng 7/2000 - 8/2001: Phó giám đốc XN Thắng Lợi-Công ty Phú Tài-QK 5- Tháng 9/2001 - 12/2004: Trưởng phòng kế hoạch-Công ty Phú Tài-QK 5- Tháng 01/2005- 5/2013: Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Phú Tài- Từ tháng 5/2013 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát công ty CP Phú Tài			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		

Số cổ phần nắm giữ	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	102.440 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	26 cổ phần
Vợ : Bà Nguyễn Thị Lan	

Ông: TRƯƠNG CÔNG HOÀNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Quy Nhơn – Bình Định
Ngày tháng năm sinh	08/07/1974	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nhơn Phú – Quy Nhơn – Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211476609, ngày cấp 24/11/2009, cấp tại Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Đống Đa – Tp. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tin học		
Quá trình công tác			

<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 11/1998 – 08/2000: Nhân viên kế hoạch, Công ty Phú Tài- Quân khu 5. - Từ tháng 09/2000 –12/2004: Nhân viên LĐTL–Công ty Phú Tài-Quân khu 5 - Từ tháng 01/2005 –06/2007: Nhân viên LĐTL–Công ty cổ phần Phú Tài - Từ tháng 07/2007 đến nay: Phó phòng nhân sự hành chính- Công ty CP Phú Tài 	
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên ban kiểm soát, phó phòng Nhân sự - Hành chính
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	4.086 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

Ông: NGUYỄN ĐỨC HẠNH			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Phù Mỹ – tỉnh Bình Định
Ngày tháng năm sinh	10/10/1978	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Mỹ Chánh – Phù Mỹ - tỉnh Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211685772, ngày cấp 26/07/2007, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	P. Ngô May – TP Quy Nhơn – Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12

Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2018

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI**

TỔNG GIÁM ĐỐC


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VỸ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thức Hưng



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ THÀNH NAM